



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 139

Ngày 01 tháng 12 năm 2016

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 10-10-2016- Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ban hành Đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 10-10-2016- Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. 9
- 28-10-2016- Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ban hành Quy chế thực hiện liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 11

- 03-11-2016- Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh. 25
- 05-11-2016- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ban hành Quy định về đảm bảo an toàn công trình lân cận khi thi công phần ngầm công trình xây dựng trên địa bàn thành phố. 43

### **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 12-10-2016- Quyết định số 5355/QĐ-UBND phê duyệt “Quy hoạch phát triển cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”. 51

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2016/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2016*

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường đất  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 26 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BTNMT-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán công tác bảo vệ môi trường thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 231/2009/TT-BTC ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng, lệ phí trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2010/TT-BTNMT ngày 04 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức sử dụng diện tích nhà xưởng, thiết bị và biên chế cho trạm quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2014/TT-BTNMT ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường không khí xung quanh, nước mặt lục địa, đất, nước dưới đất, nước mưa axit, nước biển, khí thải công nghiệp và phóng xạ;*

*Căn cứ Thông tư số 41/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp lưu động và phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với viên chức quan trắc tài nguyên môi trường; điều tra cơ bản tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BNV ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội và hội;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9443/TTr-STNMT-CCBVM ngày 13 tháng 9 năm 2016.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

*(Đơn giá chi tiết được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).*

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Đơn giá ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đối với các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện các dự án, nhiệm vụ hoạt động quan trắc và phân tích môi trường đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án, nhiệm vụ hoạt động quan trắc và phân tích môi trường đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước áp dụng đơn giá ban hành kèm theo Quyết định này.

Các đơn vị sự nghiệp thuộc ngân sách Nhà nước được đầu tư tài sản cố định, giao biên chế và cấp kinh phí hoạt động thì phải trừ chi phí khấu hao tài sản cố định và các khoản chi cho con người tham gia thực hiện dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

## **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Đối với các hoạt động quan trắc và phân tích môi trường đất phát sinh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các bên thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Khoa**

**Phụ lục**  
**ĐƠN GIÁ HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ĐẤT**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

| TT | Thông số quan trắc                             | Đơn giá (đồng)    |                        |           |
|----|--|-------------------|------------------------|-----------|
|    |  | Ngoài hiện trường | Trong phòng thí nghiệm | Tổng cộng |
| 1  | Cl <sup>-</sup>                                | 73.949            | 203.798                | 277.747   |
| 2  | SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup>                  | 73.949            | 182.380                | 256.329   |
| 3  | HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup>                  | 73.949            | 182.485                | 256.434   |
| 4  | Tổng P <sub>2</sub> O <sub>5</sub>             | 73.949            | 70.064                 | 144.013   |
| 5  | Tổng K <sub>2</sub> O                          | 73.949            | 462.466                | 536.415   |
| 6  | P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> dễ tiêu (Bray 2) | 73.949            | 70.064                 | 144.013   |
| 7  | K <sub>2</sub> O dễ tiêu                       | 73.949            | 70.064                 | 144.013   |
| 8  | Tổng N   | 73.949            | 668.540                | 742.489   |
| 9  | Tổng P   | 73.949            | 337.184                | 411.133   |
| 10 | Tổng muối tan                                  | 73.949            | 0                      | 73.949    |
| 11 | Tổng chất hữu cơ (Waley Black)                 | 73.949            | 432.694                | 506.643   |
| 12 | Ca <sup>2+</sup>                               | 76.273            | 429.803                | 506.076   |
| 13 | Mg <sup>2+</sup> chuẩn độ thể tích             | 76.273            | 428.762                | 505.035   |

| TT | Thông số quan trắc  | Đơn giá (đồng)    |                        |           |
|----|---|-------------------|------------------------|-----------|
|    |   | Ngoài hiện trường | Trong phòng thí nghiệm | Tổng cộng |
| 14 | K <sup>+</sup>  | 76.273            | 606.720                | 682.993   |
| 15 | Na <sup>+</sup>   | 76.273            | 606.720                | 682.993   |
| 16 | Al <sup>3+</sup>  | 76.273            | 488.847                | 565.120   |
| 17 | Fe <sup>3+</sup>  | 76.273            | 364.816                | 441.089   |
| 18 | Mn <sup>2+</sup>  | 76.273            | 413.703                | 489.976   |
| 19 | Pb  | 76.273            | 675.928                | 752.201   |
| 20 | Cd  | 76.273            | 675.928                | 752.201   |
| 21 | Hg  | 76.273            | 675.928                | 752.201   |
| 22 | As  | 76.273            | 675.928                | 752.201   |
| 23 | Fe  | 76.273            | 675.928                | 752.201   |
| 24 | Cu  | 76.273            | 675.928                | 752.201   |
| 25 | Zn  | 76.273            | 675.928                | 752.201   |
| 26 | Cr  | 76.273            | 675.928                | 752.201   |
| 27 | Mn  | 76.273            | 675.928                | 752.201   |
| 28 | Thuốc BVTV nhóm Clo hữu cơ: 666, Lindan, Aldrin, Dieldrin, DDE, DDD, DDT, Alpha-Endosulfan, Beta-Endosulfan, Endosulfan-sulfate, Endrin, Endrin-Aldehyde, Alpha-HCH, Beta-HCH, Delta-HCH, Heptaclor, Trans-Heptaclor, Epoxide, Methoxyclor. | 97.236            | 1.936.203              | 2.033.439 |

| TT | Thông số quan trắc  | Đơn giá (đồng)    |                        |           |
|----|---|-------------------|------------------------|-----------|
|    |   | Ngoài hiện trường | Trong phòng thí nghiệm | Tổng cộng |
| 29 | Thuốc BVTV nhóm Perethroid: Permethrin.<br>Deltamethrin, Cypermethrin. Fenvalerate. | 264.595           | 1.936.203              | 2.200.798 |

Ghi chú: Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển, chi phí bảo quản mẫu

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2016/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2016*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Bãi bỏ Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2014  
của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế về xét cho phép  
sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC;*

*Căn cứ Quyết định số 54/2015/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 8472/SHKĐT-ĐKĐT ngày 28 tháng 9 năm 2016.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 10 năm 2016.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ngành thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2016/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2016

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế thực hiện liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Cư trú ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú ngày 20 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Quyết định 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an và Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 8078/STP-HT ngày 29 tháng 9 năm 2016.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện liên thông thủ

tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các quyết định sau:

- Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế phối hợp thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và hộ khẩu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 07/2013/QĐ-UBND.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện; Trưởng Công an quận, huyện; Giám đốc Bảo hiểm xã hội quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Vĩnh Tuyền**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Thực hiện liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND  
ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về nguyên tắc; quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức có liên quan trong việc thực hiện liên thông các thủ tục hành chính sau:

1. Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi khi việc đăng ký khai sinh cho trẻ em thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

2. Đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi khi việc đăng ký khai sinh cho trẻ em thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

3. Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú khi việc đăng ký khai tử thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cá nhân có yêu cầu thực hiện liên thông các thủ tục hành chính được quy định tại Điều 1 Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, Công an quận, huyện, Bảo hiểm xã hội quận - huyện.

#### **Điều 3. Nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính**

1. Quy trình liên thông thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, đăng ký thường

trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi và Quy trình liên thông thủ tục hành chính đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi được thực hiện trong tất cả các trường hợp đăng ký mới.

Cá nhân có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính có quyền lựa chọn áp dụng hoặc không áp dụng quy trình liên thông các thủ tục hành chính. Trường hợp cá nhân lựa chọn không áp dụng quy trình liên thông, việc thực hiện từng thủ tục sẽ theo quy định pháp luật hiện hành đối với từng loại thủ tục.

2. Tạo điều kiện thuận lợi và giảm thiểu chi phí cho cá nhân trong việc thực hiện đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử và xóa đăng ký thường trú đối với người chết.

3. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, Công an quận, huyện, Bảo hiểm xã hội quận, huyện quy định tại Quy chế này là thời gian tối đa. Các cơ quan tham gia giải quyết thủ tục liên thông có trách nhiệm thực hiện và chuyển giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian quy định; nghiên cứu cải tiến, tổ chức lại quy trình nội nghiệp nhằm rút ngắn hơn thời gian quy định tại Quy chế này. Trong trường hợp thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại từng cơ quan được giải quyết sớm hơn quy định thì cơ quan giải quyết có trách nhiệm chuyển giao sớm kết quả giải quyết về cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn để trả kết quả sớm cho người dân.

Khi có nhu cầu, người yêu cầu đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử được nhận trước bản chính Giấy khai sinh, Trích lục khai tử ngay trong ngày nộp hồ sơ. Nếu nộp hồ sơ sau 15 giờ thì nhận kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan thực hiện liên thông các thủ tục hành chính**

1. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết liên thông các thủ tục hành chính, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ được nêu trong Quy chế này; thực hiện việc đăng ký khai sinh cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử; lập và chuyển hồ sơ cho Công an quận, huyện và Bảo hiểm xã hội quận, huyện; thu lệ phí đăng ký thường trú theo ủy quyền của Công an quận, huyện.

2. Công an quận, huyện thực hiện việc đăng ký thường trú, xóa đăng ký thường trú, Bảo hiểm xã hội quận, huyện thực hiện việc cấp thẻ bảo hiểm y tế chịu trách nhiệm trong việc giải quyết từng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cơ quan

mình và cùng phối hợp với Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện liên thông thủ tục hành chính theo Quy chế này;

Bảo hiểm xã hội quận, huyện có trách nhiệm cung cấp danh sách cơ sở khám chữa bệnh ban đầu để niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

3. Các cơ quan có trách nhiệm thực hiện liên thông các thủ tục hành chính nêu tại Khoản 1, 2 Điều này phải cùng thuộc địa bàn một quận, huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

## **Chương II**

### **HỒ SƠ, QUY TRÌNH TIẾP NHẬN, CHUYỂN GIAO, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN LIÊN THÔNG CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

#### **Mục 1**

#### **ĐĂNG KÝ KHAI SINH, ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ, CẤP THẺ BẢO HIỂM Y TẾ CHO TRẺ EM DƯỚI 6 TUỔI**

**Điều 5. Thành phần hồ sơ đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi**

1. Giấy tờ phải nộp:

a) Tờ khai đăng ký khai sinh (theo mẫu quy định);

b) Bản chính Giấy chứng sinh. Trong trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh.

c) Trong trường hợp trẻ sinh ra do mang thai hộ thì nộp Văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai.

d) Văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật trong trường hợp ủy quyền việc đăng ký khai sinh.

đ) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (theo mẫu quy định);

e) Bản chính Sổ hộ khẩu;

Trường hợp trẻ em không đăng ký thường trú cùng cha, mẹ mà đăng ký thường trú cùng với người khác thì phải có ý kiến bằng văn bản của cha, mẹ, có xác nhận của

Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; ý kiến đồng ý của chủ hộ và Sổ hộ khẩu của chủ hộ.

g) Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế (theo mẫu quy định).

2. Giấy tờ phải xuất trình

a) Giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký khai sinh;

b) Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn).

### **Điều 6. Quy trình tiếp nhận hồ sơ**

Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn người dân lựa chọn, đăng ký nơi khám chữa bệnh ban đầu; nếu người dân chưa có các Tờ khai đăng ký khai sinh, Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu, Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế thì cấp cho người dân các mẫu giấy tờ đó.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tiếp nhận hồ sơ; tạm thu lệ phí đăng ký thường trú cho trẻ em; viết giấy nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người dân.

### **Điều 7. Quy trình thực hiện việc đăng ký khai sinh, lập và chuyển hồ sơ giải quyết đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn**

1. Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện đăng ký khai sinh ngay trong ngày; trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay trong ngày thì tiến hành giải quyết trong ngày làm việc tiếp theo.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy khai sinh, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm:

a) Chuyển thông tin đến Bảo hiểm xã hội quận, huyện thông qua mạng điện tử: họ và tên trẻ em; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; địa chỉ thường trú của trẻ em; họ tên mẹ hoặc cha hoặc người nuôi dưỡng; nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu.

b) Lập hồ sơ đăng ký thường trú cho trẻ em dưới 6 tuổi gồm các loại giấy tờ quy định tại các Điểm đ, e Khoản 1 Điều 5 Quy chế này và bản sao trích lục khai sinh; chuyển hồ sơ và lệ phí đăng ký thường trú cho Công an quận, huyện.

3. Giải quyết đăng ký thường trú cho trẻ em dưới 6 tuổi tại Công an quận, huyện



a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và lệ phí đăng ký thường trú do Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chuyển đến, Công an quận, huyện kiểm tra tính hợp pháp, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ, lệ phí đầy đủ, đúng quy định, Công an quận, huyện thực hiện đăng ký thường trú cho trẻ em và trả kết quả đăng ký thường trú cùng biên lai thu lệ phí đăng ký thường trú cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn để trả cho người dân. Người được giao chuyển hồ sơ của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm kiểm tra các thông tin được ghi trong Sổ hộ khẩu và ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, Công an quận, huyện phải thông báo cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn biết để hoàn thiện hồ sơ và gửi lại cho Công an quận, huyện để đăng ký thường trú cho trẻ em.

c) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện đăng ký thường trú thì Công an quận, huyện có văn bản trả lời kèm theo hồ sơ và lệ phí trả lại cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn để xử lý theo quy định.

4. Thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi tại Bảo hiểm xã hội quận, huyện

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận thông tin qua mạng điện tử do Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chuyển đến, Bảo hiểm xã hội quận, huyện có trách nhiệm kiểm tra thông tin và cấp thẻ bảo hiểm y tế. Khi đến nhận kết quả cấp thẻ bảo hiểm y tế, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm chuyển hồ sơ giấy cho Bảo hiểm xã hội quận, huyện gồm: Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế, văn bản đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

### **Điều 8. Quy trình trả kết quả**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi đã nộp hồ sơ để nhận Giấy khai sinh, Thẻ bảo hiểm y tế, Hộ khẩu và biên lai lệ phí đăng ký thường trú.

### **Điều 9. Giải quyết hồ sơ theo thủ tục rút gọn**

Trong trường hợp trẻ em bị bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo cần phải điều trị tại cơ sở y tế, có xác nhận của Cơ sở y tế điều trị, việc đăng ký khai sinh và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ được thực hiện theo thủ tục rút gọn như sau:

- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn cấp Giấy khai sinh, đồng thời chuyển

thông tin cấp thẻ bảo hiểm y tế qua mạng điện tử cho Bảo hiểm xã hội quận, huyện ngay trong ngày nhận hồ sơ.

- Ngay sau khi tiếp nhận thông tin cấp thẻ bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội quận, huyện giải quyết cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ trong 01 ngày làm việc và chuyển giao cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi đã nộp hồ sơ để nhận kết quả: Giấy khai sinh, Thẻ bảo hiểm y tế.

- Việc giải quyết hồ sơ đăng ký thường trú được thực hiện như Quy trình thông thường.

## Mục 2

### **ĐĂNG KÝ KHAI SINH, CẤP THẺ BẢO HIỂM Y TẾ CHO TRẺ DƯỚI 6 TUỔI**

**Điều 10. Hồ sơ đăng ký khai sinh và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi**

1. Giấy tờ phải nộp:

a) Tờ khai đăng ký khai sinh (theo mẫu quy định);

b) Bản chính Giấy chứng sinh. Trong trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh.

Nếu là trẻ em bị bỏ rơi thì nộp biên bản về việc trẻ bỏ rơi thay giấy chứng sinh.

c) Văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật trong trường hợp ủy quyền việc đăng ký khai sinh.

d) Trong trường hợp trẻ sinh ra do mang thai hộ thì nộp Văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai.

đ) Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế (theo mẫu quy định).

2. Giấy tờ phải xuất trình

a) Giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký khai sinh;

b) Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng

ký kết hôn).

c) Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của cha, mẹ trẻ.

### **Điều 11. Quy trình tiếp nhận hồ sơ**

Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ; hướng dẫn người dân lựa chọn, đăng ký nơi khám chữa bệnh ban đầu; nếu người dân chưa có các Tờ khai đăng ký khai sinh, Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế thì cấp cho người dân các mẫu giấy tờ đó.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tiếp nhận hồ sơ; viết giấy nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người dân.

### **Điều 12. Quy trình đăng ký khai sinh, lập và chuyển hồ sơ giải quyết cấp Thẻ bảo hiểm y tế tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn**

1. Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện đăng ký khai sinh ngay trong ngày; trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay trong ngày thì tiến hành giải quyết trong ngày làm việc tiếp theo.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy khai sinh, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm chuyển thông tin đến Bảo hiểm xã hội quận, huyện thông qua mạng điện tử: họ và tên trẻ em; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; địa chỉ thường trú của trẻ em; họ tên mẹ hoặc cha hoặc người nuôi dưỡng; nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu.

3. Thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi tại Bảo hiểm xã hội quận, huyện.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận thông tin qua mạng điện tử do Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chuyển đến, Bảo hiểm xã hội quận, huyện có trách nhiệm kiểm tra thông tin và cấp thẻ bảo hiểm y tế. Khi đến nhận kết quả cấp thẻ bảo hiểm y tế, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm chuyển hồ sơ giấy cho Bảo hiểm xã hội quận, huyện gồm: Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế, văn bản đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

### **Điều 13. Quy trình trả kết quả**

Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn để nhận:

Giấy khai sinh và Thẻ bảo hiểm y tế.

#### **Điều 14. Giải quyết hồ sơ theo thủ tục rút gọn**

Trong trường hợp trẻ em bị bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo cần phải điều trị tại cơ sở y tế, có xác nhận của Cơ sở y tế điều trị, việc đăng ký khai sinh và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ được thực hiện theo thủ tục rút gọn tại Khoản 6 Điều 6 Quy chế này.

### **Mục 3**

#### **ĐĂNG KÝ KHAI TỬ, XÓA ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ**

#### **Điều 15. Hồ sơ đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú**

1. Giấy tờ phải nộp:

a) Tờ khai đăng ký khai tử (theo mẫu quy định).

b) Bản chính Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay cho Giấy báo tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

c) Văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử;

d) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (theo mẫu quy định);

đ) Bản chính Sổ hộ khẩu có đăng ký thường trú của người chết.

2. Giấy tờ phải xuất trình:

Giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký khai tử.

#### **Điều 16. Quy trình tiếp nhận hồ sơ**

Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ; nếu người dân chưa có Tờ khai đăng ký khai tử, Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu thì cấp cho người dân các mẫu giấy tờ đó.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tiếp nhận hồ sơ; viết giấy nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người dân.

#### **Điều 17. Quy trình đăng ký khai tử, lập, chuyển và giải quyết hồ sơ xóa đăng ký thường trú tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn**

1. Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện đăng ký khai tử ngay trong ngày; trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ mà không

giải quyết được ngay trong ngày thì tiến hành giải quyết trong ngày làm việc tiếp theo.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp trích lục khai tử, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xóa đăng ký thường trú đối với người đã chết gồm Phiếu báo thay đổi nhân khẩu, hộ khẩu, Sổ hộ khẩu bản chính, bản sao trích lục khai tử và chuyển hồ sơ cho Công an quận, huyện.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ xóa đăng ký thường trú do Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chuyển đến, Công an quận, huyện kiểm tra tính hợp pháp, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Công an quận, huyện thực hiện xóa đăng ký thường trú cho người chết và trả kết quả cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn để trả cho người dân. Người được giao chuyển hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra các thông tin được ghi trong Sổ hộ khẩu và ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, Công an quận, huyện phải thông báo cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn biết để hoàn thiện hồ sơ và gửi lại cho Công an quận, huyện để xóa đăng ký thường trú cho người chết.

### **Điều 18. Quy trình trả kết quả**

Trong thời hạn **06 ngày làm việc**, kể từ ngày nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã nộp hồ sơ để nhận kết quả: Trích lục khai tử (bản chính) và Hộ khẩu.

## **Chương III**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN PHỐI HỢP**

#### **Điều 19. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn**

1. Công khai đầy đủ, rõ ràng các thủ tục hành chính, niêm yết tại địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, giấy tờ, hồ sơ, mức thu lệ phí và thời gian giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông được quy định tại Quy chế này.

2. Xem xét tiếp nhận hồ sơ, giải quyết cấp khai sinh, khai tử, chuyển hồ sơ, lệ phí và trả hồ sơ.

3. Thông tin, tuyên truyền bằng các hình thức thích hợp; thông báo thường xuyên đến Khu phố, Tổ dân phố, Ấp và phổ biến rộng rãi để người dân dễ tiếp cận và

thực hiện khi có nhu cầu.

4. Tiếp nhận các khiếu nại của cá nhân có liên quan trong thực hiện các thủ tục hành chính tại Quy chế này và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết khiếu nại.

5. Giải quyết khiếu nại của cá nhân và xử lý các vướng mắc liên quan đến đăng ký khai sinh cho trẻ em dưới 6 tuổi.

6. Bố trí cán bộ Tư pháp - hộ tịch thực hiện nhiệm vụ liên thông nhóm thủ tục này.

#### **Điều 20. Công an quận, huyện**

1. Xem xét, giải quyết việc đăng ký thường trú và xóa đăng ký thường trú theo quy định hiện hành.

2. Giải quyết khiếu nại của cá nhân và xử lý các vướng mắc liên quan đến đăng ký thường trú và xóa đăng ký thường trú.

3. Chỉ đạo Công an phường, xã, thị trấn trong việc phối hợp giải quyết thủ tục liên thông.

4. Có văn bản ủy nhiệm cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện thu lệ phí đăng ký thường trú.

#### **Điều 21. Bảo hiểm xã hội quận, huyện**

1. Xem xét, giải quyết việc cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi theo quy định hiện hành.

2. Giải quyết khiếu nại của cá nhân và xử lý các vướng mắc liên quan đến cấp Thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.

### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 22. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Việc hỗ trợ và công tác phí đối với công chức thực hiện quy trình liên thông

được thực hiện theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về chế độ hỗ trợ và công tác phí đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp (áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông) trên địa bàn thành phố.

3. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quy chế này, các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán kinh phí thực hiện liên thông các thủ tục hành chính để tổng hợp vào dự toán kinh phí của cơ quan, đơn vị mình gửi cơ quan tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện.

### **Điều 23. Ủy ban nhân dân quận, huyện**

1. Có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, Công an quận, huyện, Bảo hiểm xã hội quận, huyện triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế này; khuyến khích nâng cấp thực hiện các dịch vụ theo hướng làm song song 02 hình thức: vừa đăng ký trực tuyến, vừa đăng ký thủ công tại cơ quan hành chính; phối hợp với đơn vị Bru chính thực hiện dịch vụ trả kết quả tại nhà cho người dân; người dân tự chi trả dịch vụ Bru chính.

2. Đối với huyện, xã ở những địa bàn người dân đi lại khó khăn, mất nhiều thời gian, khuyến khích Ủy ban nhân dân huyện tổ chức những điểm hướng dẫn cho dân đăng ký (như các điểm áp, khu phố, nhà văn hóa xã...) và hỗ trợ bố trí các thiết bị cần thiết như máy tính, đường truyền internet; phối hợp với các tổ chức chính trị- xã hội trên địa bàn giúp đỡ, tạo mọi điều kiện cho người dân từng bước thực hiện đăng ký dịch vụ trực tuyến tại nhà.

### **Điều 24. Sở Tư pháp, Công an thành phố, Bảo hiểm xã hội thành phố**

1. Có trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong phạm vi ngành, lĩnh vực của đơn vị để bảo đảm Quy chế này được triển khai thực hiện nghiêm túc, thống nhất và đồng bộ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp, giao Sở Tư pháp chủ trì, làm đầu mối tiếp nhận thông tin, phối hợp với Công an thành phố, Bảo hiểm xã hội thành phố và các cơ quan có liên quan để trao đổi, thống nhất và trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Giao Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Công an thành phố, Bảo hiểm Xã hội thành phố, các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện nghiên cứu, từng bước sử dụng các liên thông đã có, đảm bảo phục vụ cho quy trình liên thông vận hành tốt, tiến tới liên thông điện tử đối với nhóm thủ

tục hành chính quy định tại Quy chế này, nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

**Điều 25. Sở Thông tin và Truyền thông**

Có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, Công an quận, huyện và Bảo hiểm xã hội quận, huyện về kỹ thuật để thực hiện liên thông điện tử nhóm thủ tục hành chính nêu tại Quy chế này.

**Điều 26. Sở Tài chính**

Chịu trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị về dự toán kinh phí hàng năm được giao theo phân cấp ngân sách nhà nước để bảo đảm cho việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Vĩnh Tuyến**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2016/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2016

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động  
của Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BCT-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Công Thương và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 11152/TTr-SCT ngày 13 tháng 10 năm 2016, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 7705/STP-VB ngày 21 tháng 9 năm 2016 và của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3806/TTr-SNV ngày 24 tháng 10 năm 2016.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2016. Quyết định này thay thế Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Tổ chức và hoạt động của**

**Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND  
ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Vị trí, chức năng**

1. Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công thương, bao gồm các ngành và lĩnh vực: cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới, tiết kiệm năng lượng; năng lượng tái tạo; dầu khí (nếu có); hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ vật liệu xây dựng); công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp chế biến khác; an toàn thực phẩm; lưu thông hàng hóa trên địa bàn Thành phố; xuất khẩu, nhập khẩu; quản lý thị trường; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại, hội nhập kinh tế quốc tế; quản lý cạnh tranh, chống bán phá giá; chống trợ cấp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; khuyến công, quản lý cụm công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ; quản lý các văn phòng đại diện, chi nhánh thương nhân nước ngoài, hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; quản lý các văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân Việt Nam tại nước ngoài; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

2. Sở Công Thương có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định.

**3.** Tên giao dịch đối ngoại của Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh là: HOCHIMINH CITY'S DEPARTMENT OF INDUSTRY AND TRADE.

Trụ sở chính của Sở Công Thương đặt tại số 163 đường Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở 2 tại số 59 - 61 đường Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08 38 296322, 08 38 298018 Fax: 08 38 221778

Email: [sct@tphcm.gov.vn](mailto:sct@tphcm.gov.vn)

Website: [socongthuong.hochiminhcity.gov.vn](http://socongthuong.hochiminhcity.gov.vn)

**Điều 2.** Sở Công Thương chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và các hoạt động công tác của Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Công Thương.

## **Chương II** **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

### **Điều 3. Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố**

1. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về phát triển ngành công thương trên địa bàn.

2. Dự thảo các quyết định, chỉ thị thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực công thương.

3. Dự thảo quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở.

4. Dự thảo văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở; dự thảo quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo phụ trách lĩnh vực công thương của Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

### **Điều 4. Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố**

1. Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

2. Dự thảo các quyết định, chỉ thị cá biệt thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về lĩnh vực công thương.

### **Điều 5. Về công tác thi hành pháp luật**

1. Hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình và các quy định về phát triển công thương sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về lĩnh vực công thương.

2. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, kiểm tra, thẩm định thiết kế các dự án đầu tư xây dựng, chất lượng các công trình thuộc ngành công thương trên địa bàn Thành phố theo phân cấp; cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn và thu hồi các loại giấy phép, chứng nhận thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương theo quy định của pháp luật, sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Công Thương.

### **Điều 6. Về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp**

#### **1. Về cơ khí và luyện kim**

Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển ngành cơ khí, ngành luyện kim, phát triển các sản phẩm cơ khí, cơ - điện tử trọng điểm, các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, kết hợp kỹ thuật cơ khí, tự động hóa, điện tử công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

#### **2. Về công nghiệp hỗ trợ**

Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố.

3. Về điện lực, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển điện lực, phát triển việc ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn Thành phố;

b) Tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện cho đơn vị điện lực tại địa bàn Thành phố; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ an toàn điện cho nhân viên, công nhân kỹ thuật thuộc các tổ chức quản lý điện nông thôn;

c) Tổ chức triển khai thực hiện phương án giá điện trên địa bàn Thành phố sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt;

d) Thẩm định, phê duyệt hồ sơ bồi thường di dời công trình điện; thẩm định, phê duyệt đề án, dự án đầu tư; thẩm định thiết kế; quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành điện, năng lượng mới, năng lượng tái tạo trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định trong Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hỗ trợ đào tạo cán bộ quản lý năng lượng và kiểm toán viên năng lượng.

**4. Về công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất xi măng)**

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản sau khi được phê duyệt theo thẩm quyền;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, công nghệ, an toàn vệ sinh trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản trên địa bàn Thành phố.

**5. Về hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về kỹ thuật an toàn và bảo vệ môi trường**

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển ngành hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp và các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về kỹ thuật an toàn trên địa bàn Thành phố;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan của thành phố kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng, bảo quản, kinh doanh và vận chuyển hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về kỹ thuật an toàn theo quy định của pháp luật;

c) Triển khai thực hiện các nội dung quản lý về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực công thương theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện quy hoạch và các chính sách phát triển ngành công nghiệp môi trường.

**6. Về an toàn thực phẩm, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác**

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển ngành sau khi

được phê duyệt, gồm: Dệt - may, da - giày; giấy, sành sứ, thủy tinh, nhựa, rượu, bia, nước giải khát, sản phẩm sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, bao bì chứa đựng và các sản phẩm khác;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng sản phẩm công nghiệp, an toàn vệ sinh, môi trường công nghiệp; an toàn thực phẩm từ khâu sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh đối với các loại rượu, bia, nước giải khát, sản phẩm sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, bao bì chứa đựng và các sản phẩm khác, an toàn thực phẩm đối với các chợ, siêu thị và các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối hàng hóa thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng, chống thực phẩm giả, gian lận thương mại trên thị trường đối với tất cả các loại thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở.

## 7. Về khuyến công

a) Chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến công;

b) Triển khai chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công tại địa phương đối với các hoạt động thực hiện bằng nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và các hoạt động thực hiện bằng nguồn kinh phí khuyến công địa phương;

c) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện đề án khuyến công tại địa phương; đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động khuyến công địa phương theo quy định pháp luật;

d) Thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan; kiểm tra, đánh giá, theo dõi, giám sát việc thực hiện đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công trên địa bàn Thành phố.

## 8. Về cụm công nghiệp

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì xây dựng quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách phát triển cụm công nghiệp và tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

c) Thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, Trung tâm phát triển cụm công nghiệp; tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và các dự án đầu tư xây dựng công trình trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút đầu tư, xuất nhập khẩu, thuế, tài chính, lao động và xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng, di chuyển cơ sở sản xuất, xây dựng mới cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố;

đ) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp, báo cáo tình hình quy hoạch, đầu tư xây dựng hạ tầng và hoạt động của cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

## 9. Về tiêu thủ công nghiệp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện chương trình, đề án, cơ chế, chính sách, kế hoạch phát triển các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn (bao gồm cả các ngành nghề, làng nghề nông thôn, các hợp tác xã thuộc lĩnh vực công thương).

## Điều 7. Về thương mại

### 1. Thương mại nội địa

a) Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách quản lý mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại bán buôn, bán lẻ, bao gồm: các loại hình chợ, trung tâm thương mại, hệ thống các siêu thị, hệ thống các cửa hàng, hợp tác xã thương mại, dịch vụ thương mại; hệ thống đại lý thương mại, nhượng quyền thương mại trong nước và từ Việt Nam ra nước ngoài, trung tâm logistics, kinh doanh hàng hóa dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật và các loại kết cấu hạ tầng thương mại khác;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển các tổ chức liên kết lưu thông hàng hóa, hình thành các kênh lưu thông hàng hóa ổn định từ sản xuất đến tiêu dùng trên địa bàn Thành phố;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh, giấy phép kinh doanh có điều kiện các mặt hàng: thuốc lá, rượu, xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các hàng hóa dịch vụ khác trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý của Bộ Công Thương;



d) Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân vùng sâu, vùng xa trên địa bàn Thành phố (như cung cấp các mặt hàng thiết yếu, hỗ trợ lưu thông hàng hóa và dịch vụ thương mại...);

đ) Tổ chức hoạt động điều tiết lưu thông hàng hóa, bảo đảm cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu, bảo đảm chất lượng và an toàn thực phẩm, bình ổn và thúc đẩy thị trường Thành phố phát triển;

e) Tổng hợp và xử lý các thông tin thị trường trên địa bàn Thành phố về tổng mức lưu chuyên hàng hóa, tổng cung, tổng cầu, mức dự trữ lưu thông và biến động giá cả của các mặt hàng thiết yếu, các mặt hàng chính sách đối với nhân dân vùng sâu, vùng xa. Đề xuất với cấp có thẩm quyền giải pháp điều tiết lưu thông hàng hóa trong từng thời kỳ.

## 2. Về xuất nhập khẩu

a) Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển và đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa; phát triển dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn Thành phố;

b) Quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và thương nhân không có hiện diện tại Việt Nam; hoạt động của các văn phòng, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam trên địa bàn Thành phố;

## 3. Về thương mại điện tử

a) Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, chương trình, kế hoạch thương mại điện tử nhằm phát triển hạ tầng ứng dụng thương mại điện tử, phát triển nguồn nhân lực phục vụ quản lý thương mại điện tử, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân ứng dụng thương mại điện tử trên địa bàn Thành phố;

b) Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước khác về thương mại điện tử theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương.

## 4. Về quản lý thị trường

a) Tổ chức thực hiện công tác quản lý thị trường trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong lĩnh vực công thương của các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên địa bàn Thành phố; thực hiện thanh tra chuyên

ngành theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đấu tranh chống các hành vi đầu cơ, buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; chống vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, vệ sinh an toàn thực phẩm và các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác trái quy định của pháp luật.

#### 5. Về xúc tiến thương mại

a) Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án xúc tiến thương mại nhằm đẩy mạnh xuất khẩu, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xây dựng và phát triển thương hiệu hàng Việt Nam;

b) Tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, khuyến mại cho các thương nhân.

#### 6. Về cạnh tranh, chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ

a) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về cạnh tranh, chống phá giá, chống trợ cấp và tự vệ trên địa bàn Thành phố;

b) Phát hiện và kiến nghị các cơ quan có liên quan giải quyết theo thẩm quyền về những văn bản ban hành có nội dung không phù hợp với pháp luật cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp và tự vệ;

c) Đầu mối chủ trì hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn đối phó với các vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ từ nước ngoài.

d) Quản lý các hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật.

#### 7. Về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương;

b) Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tư vấn hỗ trợ nâng cao nhận thức về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa bàn;

c) Thực hiện việc kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tại địa phương theo quy định của pháp luật bảo vệ người tiêu dùng;

d) Kiểm tra, giám sát hoạt động tổ chức xã hội, tổ chức hòa giải tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh tại địa phương;

đ) Công bố công khai danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm quyền lợi người tiêu dùng theo thẩm quyền;

e) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý hành vi vi phạm quyền lợi người tiêu dùng theo thẩm quyền.

## 8. Về hội nhập kinh tế

a) Triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, biện pháp cụ thể về hội nhập kinh tế quốc tế trên địa bàn Thành phố sau khi được phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện kế hoạch, chương trình, các quy định về hội nhập kinh tế quốc tế của địa phương.

## 9. Về thị trường và thương nhân

a) Thực hiện việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện trong trường hợp việc thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; quản lý hoạt động văn phòng đại diện, hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam trên địa bàn Thành phố ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao và của doanh nghiệp Việt Nam tại nước ngoài theo các quy định;

b) Chủ trì, xây dựng các chương trình, kế hoạch hỗ trợ cho thương nhân nước ngoài, hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trên địa bàn và của doanh nghiệp Việt Nam tại nước ngoài;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra và xử lý các vi phạm của văn phòng đại diện, chi nhánh thương nhân nước ngoài, hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài trên địa bàn Thành phố;

d) Thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, cung cấp thông tin về thương nhân nước ngoài, hiện diện thương mại của doanh nghiệp nước ngoài trên địa bàn và hiện diện thương mại của doanh nghiệp Thành phố tại nước ngoài, kết nối cơ sở dữ liệu với cơ quan chủ quản;

đ) Tiếp nhận, nghiên cứu đề xuất của các tổ chức nước ngoài, quản lý nhà nước các Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài;

e) Tổng hợp thông tin thị trường nước ngoài, quan hệ kinh tế thương mại giữa Thành phố với các nước, phục vụ công tác thông tin kinh tế đối ngoại và nhu cầu

doanh nghiệp.

### **Điều 8. Các công tác khác**

1. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận trong phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Quản lý, theo dõi, khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội, hiệp hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi quản lý của Sở trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công thương theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công thương đối với các Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

6. Tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật và công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại thuộc phạm vi quản lý của Sở; hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật, chất lượng sản phẩm công nghiệp; xây dựng hệ thống thông tin lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức thực hiện chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án xây dựng phát triển mạng lưới điện nông thôn và chợ nông thôn tại các xã trên địa bàn Thành phố, đánh giá công nhận xã đạt tiêu chí về điện và chợ theo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

7. Triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính của Sở theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố.

8. Kiểm tra, thanh tra theo ngành, lĩnh vực được phân công quản lý đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công thương; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

9. Quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực công thương thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

10. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở quản lý, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo hướng dẫn chung của Bộ Công Thương, Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân thành phố.

11. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức và số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

12. Quản lý theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực công thương tại địa phương.

13. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố

14. Tổng hợp thông tin, báo cáo định kỳ sáu tháng một lần hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Công Thương.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

### **Chương III** **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

#### **Điều 9. Lãnh đạo Sở Công Thương**

1. Sở Công Thương có Giám đốc và không quá 04 Phó Giám đốc. Đồng thời, tiếp tục duy trì số lượng Phó Giám đốc hiện có để đảm bảo ổn định và chỉ được bổ sung thêm Phó Giám đốc khi số lượng Phó Giám đốc hiện có chưa đạt đủ số lượng quy định là không quá 04 Phó Giám đốc.

2. Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về lĩnh vực công thương trên địa bàn Thành phố và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành

phổ phân công hoặc ủy quyền.

Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức thuộc và trực thuộc Sở theo phân cấp và tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Công Thương về tổ chức và hoạt động của Sở; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân thành phố; trả lời các kiến nghị của cử tri, chất vấn của Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề trong phạm vi lĩnh vực công thương; phối hợp với các Giám đốc Sở - ngành khác, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở.

**3.** Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc sở chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở.

**4.** Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo tiêu chuẩn chức danh do Bộ Công Thương ban hành trên cơ sở các quy định của pháp luật. Việc miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật.

**5.** Giám đốc, Phó Giám đốc Sở không kiêm chức danh Trưởng của các tổ chức, đơn vị cấp dưới có tư cách pháp nhân (trừ trường hợp văn bản có giá trị pháp lý cao hơn quy định khác).

#### **Điều 10. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ**

1. Văn phòng;
2. Thanh tra;
3. Phòng Tổ chức cán bộ;
4. Phòng Kế hoạch - Tài chính - Tổng hợp;
5. Phòng Quản lý công nghiệp;
6. Phòng Quản lý thương mại;

7. Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường;
8. Phòng Quản lý năng lượng;
9. Phòng Quản lý xuất nhập khẩu;
10. Phòng Thị trường và Thương nhân nước ngoài;
11. Chi cục Quản lý thị trường.

#### **Điều 11. Các đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Trung tâm Phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố;
2. Trung tâm Kỹ thuật Nhựa - Cao su và Đào tạo Quản lý năng lượng;
3. Thời báo Kinh tế Sài Gòn;
4. Trường Cao đẳng nghề Nguyễn Trường Tộ.

Trường Cao đẳng nghề Nguyễn Trường Tộ là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố. Giám đốc Sở Công Thương được ủy quyền quản lý theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với cấp trưởng, cấp phó các đơn vị được thực hiện theo phân cấp quản lý và theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 12. Biên chế công chức và số lượng người làm việc**

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc của Sở Công Thương được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế hành chính, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm được phê duyệt, hàng năm Sở Công Thương xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định phân bổ theo quy định của pháp luật.

### **Chương IV MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 13. Đối với Bộ Công Thương**

1. Sở Công Thương chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ

của Bộ Công Thương; Sở Công Thương báo cáo kết quả hoạt động và chương trình, kế hoạch công tác, dự các cuộc họp do Bộ Công Thương triệu tập.

2. Khi chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ Công Thương chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố hoặc chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Công Thương phải kịp thời báo cáo và đề xuất để Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ Công Thương hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

#### **Điều 14. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố**

1. Sở Công Thương có trách nhiệm cung cấp tài liệu, thông tin, báo cáo phục vụ cho hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố; trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề thuộc phạm vi quản lý của ngành.

2. Sở Công Thương chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Đối với những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở mà Sở Công Thương và các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện còn ý kiến khác nhau, Giám đốc Sở Công Thương báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

#### **Điều 15. Đối với các tổ chức Đảng**

Sở Công Thương phối hợp với các Ban của Thành ủy và Đảng ủy Khối Dân - Chính - Đảng Thành phố để tiếp nhận những định hướng lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Thành ủy, Đảng ủy Khối Dân - Chính - Đảng thành phố, tham khảo ý kiến của các Ban Đảng của Thành ủy và Đảng ủy Khối khi thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở.

#### **Điều 16. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức đoàn thể thành phố**

Sở Công Thương chủ động tham khảo ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể thành phố trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở nhằm phối hợp thực hiện những chủ trương, chính sách của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố.

#### **Điều 17. Đối với các Sở - ngành thành phố**

1. Sở Công Thương quan hệ với các Sở - ngành thành phố theo nguyên tắc phối



hợp công việc, nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung của Thành phố và nhiệm vụ của từng cơ quan; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến lĩnh vực công thương theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố các vấn đề về chủ trương, chính sách có liên quan đến các Sở - ngành Thành phố, Sở Công Thương phải trao đổi ý kiến với các cơ quan này.

3. Được quyền yêu cầu Sở - ngành, các cơ quan, đơn vị và các doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động ngành nhằm giúp cho Sở Công Thương theo dõi, quản lý nhà nước về lĩnh vực công thương theo đúng quy định của pháp luật.

### **Điều 18. Đối với Ủy ban nhân dân các quận - huyện**

1. Sở Công Thương hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước về lĩnh vực công thương; triển khai thực hiện các quyết định, chỉ thị, các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố đến Ủy ban nhân dân các quận - huyện. Được quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện báo cáo định kỳ, cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực chuyên môn để thực hiện chức năng quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Sở Công Thương trực tiếp làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện hoặc ủy quyền cho Phó Giám đốc Sở làm việc và giải quyết những kiến nghị liên quan đến công việc thuộc ngành quản lý; nếu còn có những ý kiến khác nhau hoặc đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền của Sở, Giám đốc Sở báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 19.** Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương để thực hiện đúng nội dung Quy chế này.

**Điều 20.** Căn cứ nội dung Quy chế này, Giám đốc Sở có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình công tác, các mặt hoạt động, phối hợp công tác thuộc phạm vi, thẩm quyền của Sở, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Giám đốc Sở chịu trách nhiệm ban hành Quy chế làm việc của cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc; tổ chức, sắp xếp các phòng, đơn vị trực thuộc, bố trí cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ và yêu cầu nhiệm vụ của ngành, đảm bảo phát huy tốt hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước về lĩnh vực công thương trên địa bàn Thành phố.

**Điều 21.** Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Công Thương phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của Thành phố và quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2016/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2016

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về đảm bảo an toàn công trình lân cận  
khi thi công phần ngầm công trình xây dựng trên địa bàn thành phố**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;*

*Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 18:2014/BXD An toàn trong xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 15645/TTr-SXD-QLCLXD ngày 10 tháng 10 năm 2016 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 6539/STP-VB ngày 05 tháng 8 năm 2016.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đảm bảo an toàn công trình lân cận khi thi công phần ngầm công trình xây dựng trên địa bàn thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ nội dung có ý kiến đối với phương án thi công tầng hầm trong việc đảm bảo an toàn cho công trình và các công trình lân cận tại điểm e, Khoản 1 Chỉ thị số 19/2014/CT-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước đối với quản lý chất lượng công trình xây

dựng và an toàn thi công xây dựng trên địa bàn thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Khoa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về đảm bảo an toàn công trình lân cận khi thi công phần ngầm  
công trình xây dựng trên địa bàn thành phố**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND  
ngày 05 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**

Quy định này gồm các yêu cầu về lập, phê duyệt thiết kế biện pháp thi công và thi công phần ngầm công trình, nhằm đảm bảo an toàn công trình lân cận khi thi công phần ngầm công trình.

Đối với nhà ở riêng lẻ, quy định chỉ áp dụng cho các trường hợp thi công tầng hầm, bán hầm, móng bè, móng băng và có công trình hiện hữu liền kề.

Đối tượng điều chỉnh của Quy định là các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng phần ngầm công trình; các chủ sở hữu, chủ quản lý công trình liền kề, công trình lân cận công trình có phần ngầm; các cơ quan nhà nước quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

##### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. *Phần ngầm công trình xây dựng* là tầng hầm, bán hầm và các bộ phận của công trình nằm dưới mặt đất

2. *Công trình liền kề* là công trình nằm sát công trình có thi công phần ngầm, có chung hoặc không có chung bộ phận kết cấu (móng, cột, tường, sàn, mái) với công trình được xây dựng.

3. *Công trình lân cận* là các công trình ở gần vị trí xây dựng công trình có thi công phần ngầm, có thể bị ảnh hưởng lún, biến dạng hoặc bị các hư hại khác do thi công phần ngầm công trình gây ra.

### **Điều 3. Nguyên tắc chung**

1. Việc thi công phần ngầm công trình phải tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý chất lượng xây dựng, quy định về đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong thi công xây dựng.

2. Công tác thi công phần ngầm công trình chỉ được thực hiện khi có thiết kế biện pháp thi công được chủ đầu tư phê duyệt.

3. Phương án, thiết bị thi công được chọn phải đảm bảo ít ảnh hưởng nhất đến công trình lân cận, môi trường xung quanh.

## **Chương II**

### **LẬP VÀ PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ BIỆN PHÁP THI CÔNG PHẦN NGẦM CÔNG TRÌNH**

#### **Điều 4. Lập thiết kế biện pháp thi công phần ngầm công trình**

1. Nhà thầu thi công lập thiết kế biện pháp thi công phần ngầm công trình trên cơ sở hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt, hồ sơ khảo sát hiện trạng công trường xây dựng.

2. Hồ sơ khảo sát hiện trạng công trường xây dựng phải thể hiện đầy đủ hiện trạng địa chất, thủy văn, địa hình khu vực; các công trình liền kề, lân cận; các kết cấu công trình ngầm hiện hữu; các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm trong khu vực và phải có các nội dung sau:

a) Bản vẽ hiện trạng khu vực công trường;

b) Ảnh chụp hiện trạng công trình lân cận;

c) Đánh giá độ ổn định của các công trình hiện hữu lân cận có khả năng bị ảnh hưởng khi thi công;

d) Xác định các giá trị chuyển vị, biến dạng tối đa; tốc độ chuyển vị, biến dạng bảo động của các công trình lân cận có khả năng bị ảnh hưởng.

3. Thiết kế biện pháp thi công phần ngầm công trình phải phù hợp điều kiện địa chất, thủy văn, độ sâu phần ngầm, đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật liên quan, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng và phải có các nội dung sau:

a) Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, an toàn cho cộng đồng;

b) Tính toán phạm vi ảnh hưởng (chiều rộng, chiều sâu) do biện pháp thi công

phần ngầm gây ra ứng với các giai đoạn thi công. Việc tính toán phải căn cứ trên các tác động từ tất cả các hoạt động thi công được thực hiện, đề xuất biện pháp xử lý phù hợp (như khoan, đào đất, bơm hạ nước ngầm, rung chấn, tải trọng lớn...);

c) Kết quả khảo sát hiện trạng chất lượng các công trình liền kề và các công trình khác trong phạm vi ảnh hưởng;

d) Hệ thống quan trắc biến dạng công trình và công trình lân cận thuộc phạm vi ảnh hưởng để thực hiện quan trắc trong suốt quá trình thi công;

đ) Quy trình thi công thử nghiệm, đánh giá tác động để có biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng trước khi thực hiện thi công nếu sử dụng phương pháp rung để hạ hoặc rút cọc, cừ;

e) Phương án ứng phó sự cố sạt lở, lún nghiêng công trình lân cận;

g) Biện pháp xử lý rác, chất thải phát sinh trong quá trình thi công; quy trình đảm bảo vệ sinh trong và ngoài công trường xây dựng; biện pháp khôi phục hiện trạng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật công cộng bị ảnh hưởng.

#### **Điều 5. Phê duyệt thiết kế biện pháp thi công phần ngầm công trình**

1. Chủ đầu tư tự thẩm định (nếu đủ năng lực) hoặc lựa chọn đơn vị có năng lực phù hợp, để thẩm tra thiết kế biện pháp thi công phần ngầm công trình làm cơ sở cho việc phê duyệt. Nội dung thẩm định hoặc thẩm tra phải bao gồm:

a) Sự tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật liên quan, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng;

b) Đánh giá về sự phù hợp, đầy đủ của bản vẽ thiết kế biện pháp thi công;

c) Đánh giá về tính toán khả năng chịu lực của các kết cấu phục vụ thi công;

d) Đánh giá về phạm vi, mức độ ảnh hưởng công trình lân cận của biện pháp thi công áp dụng;

đ) Đánh giá sự phù hợp của phương tiện, thiết bị phục vụ thi công;

e) Đánh giá về mức độ đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận của thiết kế biện pháp thi công;

g) Đánh giá về biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công

2. Trường hợp đã có các kết cấu phụ trợ thi công trong thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế biện pháp thi công phần ngầm phải được tư vấn thiết kế xem xét, cho ý kiến.

3. Nhà thầu thực hiện điều chỉnh, bổ sung thiết kế biện pháp thi công phần ngầm công trình theo các ý kiến thẩm định hoặc của tư vấn thẩm tra, tư vấn thiết kế trước khi trình chủ đầu tư phê duyệt.

4. Chủ đầu tư trước khi phê duyệt phải kiểm tra thiết kế biện pháp thi công, đảm bảo các điều kiện sau:

a) Nhà thầu đã hoàn chỉnh, bổ sung thiết kế biện pháp thi công theo đánh giá thẩm định hoặc của tư vấn thẩm tra, tư vấn thiết kế; có giải trình phù hợp về những nội dung không thống nhất.

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công xây dựng.

### **Chương III**

## **THI CÔNG PHẦN NGẦM CÔNG TRÌNH**

#### **Điều 6. Điều kiện thi công phần ngầm công trình**

Chỉ được tiến hành thi công phần ngầm công trình khi đã đảm bảo các điều kiện sau:

1. Đủ điều kiện khởi công xây dựng theo quy định.
2. Có thiết kế biện pháp thi công được phê duyệt.
3. Đã thực hiện các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.
4. Có sơ đồ chỉ dẫn vị trí, độ sâu các tuyến ngầm của hệ thống hạ tầng và văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý các tuyến đó nếu thực hiện đào đất trong khu vực có các tuyến ngầm của hệ thống hạ tầng.
5. Có bố trí nhân sự giám sát trong suốt quá trình thi công.
6. Có văn bản nghiệm thu các điều kiện đảm bảo an toàn giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

#### **Điều 7. Trách nhiệm của các bên tham gia xây dựng khi thi công phần ngầm công trình**

1. Chủ đầu tư phải bố trí người có năng lực phù hợp để kiểm tra, theo dõi việc thi công phần ngầm công trình của nhà thầu, đảm bảo đúng thiết kế biện pháp thi công đã phê duyệt. Tạm dừng thi công khi phát hiện có dấu hiệu mất an toàn, xảy ra sự cố công



trình; thông báo kịp thời cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, các cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành nếu có hư hỏng, sự cố công trình lân cận.

2. Nhà thầu thi công tiến hành thi công phần ngầm công trình tuân thủ thiết kế biện pháp thi công được phê duyệt. Nếu phát hiện có cấu kiện, công trình ngầm hoặc điều kiện địa chất bất thường so với hồ sơ khảo sát hiện trạng công trường, hoặc phát hiện có hiện tượng mất an toàn phải thông báo ngay cho chủ đầu tư, tư vấn giám sát để xử lý.

3. Tư vấn giám sát có trách nhiệm kiểm tra các điều kiện thi công phần ngầm công trình theo Điều 6 Quy định này, báo cáo kết quả cho chủ đầu tư; tham gia nghiệm thu các điều kiện đảm bảo an toàn trước khi thi công; bố trí cán bộ giám sát suốt thời gian thi công phần ngầm, kiểm tra việc tuân thủ thiết kế biện pháp thi công của nhà thầu, báo cáo chủ đầu tư nếu phát hiện vi phạm; kiểm tra việc thực hiện quan trắc, các kết quả quan trắc biến dạng công trình và công trình lân cận thuộc phạm vi ảnh hưởng để cảnh báo kịp thời hoặc đình chỉ thi công nếu có hiện tượng mất an toàn; đề nghị nhà thầu điều chỉnh thiết kế biện pháp thi công, trình chủ đầu tư phê duyệt nếu phát hiện sai sót, bất hợp lý gây nguy cơ mất an toàn.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 8. Trách nhiệm thi hành**

1. Chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thực hiện những nội dung tại Điều 4, 5, 6, 7 Quy định này.

2. Các cơ quan quản lý các tuyến ngầm của hệ thống hạ tầng có trách nhiệm cung cấp thông tin sơ đồ chỉ dẫn vị trí, độ sâu các tuyến ngầm cho chủ đầu tư công trình khi có yêu cầu, để làm cơ sở lập thiết kế biện pháp thi công.

3. Giao Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ Quy định này đối với các công trình được phân cấp quản lý.

4. Giao các Ban Quản lý khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ Quy định này đối với các công trình thuộc địa giới quản lý.

5. Giao Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ Quy định này đối với các công trình nhà ở riêng lẻ; yêu cầu chủ sở hữu, đơn vị quản lý công trình lân cận tạo điều kiện cho chủ đầu tư, nhà thầu trong việc khảo sát hiện trạng chất lượng công trình lân cận; xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.

6. Giao Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối kiểm tra việc tuân thủ Quy định này đối với các công trình được phân cấp quản lý và các công trình xây dựng chuyên ngành khác trên địa bàn; xử lý kịp thời các hành vi vi phạm. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hay cần thiết phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế, giao Sở Xây dựng tổng hợp ý kiến các đơn vị liên quan và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố hoặc tự ban hành văn bản hướng dẫn nếu thuộc thẩm quyền giải quyết.

### **Điều 9. Kiểm tra, xử lý vi phạm**

1. Thanh tra xây dựng có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thi công phần ngầm công trình theo Điều 6 Quy định này, xử lý nếu phát hiện vi phạm.

2. Các cơ quan quản lý theo phân cấp tại Điều 8 thông báo cho Thanh tra xây dựng để xử lý nếu phát hiện vi phạm khi kiểm tra việc thực hiện Quy định này; kiểm tra, có ý kiến việc khắc phục vi phạm làm cơ sở cho Thanh tra xây dựng xem xét cho phép tiếp tục thi công đối với các trường hợp bị đình chỉ thi công./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Khoa**

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5355/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2016*

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt “Quy hoạch phát triển cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ  
hóa lỏng (LPG) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  
đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 13/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về an toàn công trình dầu khí trên đất liền;

Căn cứ Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch phát triển ngành thương mại;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BCT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về kinh doanh khí;

Căn cứ Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 9858/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và phân phối khí Dầu mỏ hóa lỏng Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, có xét đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 459/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam giai đoạn đến năm 2015, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng thẩm định được thành lập tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 10481/TTr-SCT ngày 26 tháng 9 năm 2016 về phê duyệt “Quy hoạch phát triển cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt “Quy hoạch phát triển cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025” với những nội dung chủ yếu sau đây:

### **I. Quan điểm phát triển**

1. Phát triển cơ sở kinh doanh LPG phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại thành phố và Quy hoạch phát triển hệ

thống sản xuất và phân phối LPG Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 và Quy hoạch sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

2. Phát triển cơ sở kinh doanh LPG theo hướng đồng bộ, an toàn, chất lượng, hiệu quả, nhằm cung cấp sản phẩm có chất lượng cao, có sức cạnh tranh thị trường, góp phần vào việc bảo đảm an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường sinh thái, tiết kiệm năng lượng cho sự phát triển bền vững của thành phố, hướng tới lợi ích chung của cộng đồng xã hội.

3. Phát huy nội lực đồng thời đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế nhằm huy động mọi nguồn lực về vốn, công nghệ, trình độ quản lý trong các dự án phân phối LPG. Phát triển phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, nhanh chóng hòa nhập trong môi trường cạnh tranh của khu vực.

4. Kết hợp hài hòa giữa đầu tư mới và đầu tư cải tạo, mở rộng trên cơ sở tận dụng tối đa cơ sở vật chất kỹ thuật công nghệ hiện có, ưu tiên xem xét các khả năng nâng cấp hoặc mở rộng công suất để phù hợp với khả năng phát triển nguồn bổ sung trước khi xem xét phương án đầu tư mới.

5. Xây dựng và phát triển hệ thống các mô hình kinh doanh LPG trên địa bàn thành phố phù hợp với nhu cầu, lồng ghép các cơ sở kinh doanh LPG cùng trong hệ thống cửa hàng xăng dầu để tiết kiệm quỹ đất. Từng bước hình thành một hệ thống các cửa hàng phân phối nhiên liệu tổng hợp (xăng, dầu, LPG...) theo hướng liên kết, sâu chuỗi và đảm bảo khả năng phục vụ tối đa nhu cầu của người tiêu dùng.

6. Tăng cường vai trò quản lý Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người kinh doanh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; từng bước đưa hoạt động kinh doanh LPG trên địa bàn thành phố vào nề nếp và tuân thủ đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định của pháp luật.

## **II. Mục tiêu phát triển:**

### **1. Mục tiêu chung**

Xây dựng hệ thống kinh doanh LPG trên địa bàn thành phố giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, bao gồm hệ thống kho, trạm nạp LPG vào chai, trạm nạp LPG vào ô tô, trạm cấp, cửa hàng bán LPG chai,... của các thương nhân đầu mối, tổng đại lý, đại lý làm cơ sở để quản lý và lập kế hoạch phát triển hệ thống kinh

doanh LPG trên địa bàn; bố trí hợp lý hệ thống cửa hàng bán LPG chai trên cơ sở xem xét nhu cầu tiêu thụ các loại khí đốt và các mô hình cung cấp khí khác; nâng cao hiệu quả đầu tư, giảm thiểu những nguy cơ mất an toàn cháy nổ, bảo vệ môi trường; phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

## 2. Mục tiêu cụ thể:

a) Phát triển cơ sở kinh doanh LPG để tăng khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ LPG trên địa bàn thành phố từ 300.000 tấn (bình quân 35kg/người/năm) lên 391.600 tấn năm 2020 (bình quân 43kg/người/năm) và khoảng 445.000 tấn vào năm 2025 (bình quân 45kg/người/năm).

b) Đối với kho tồn trữ LPG: Quy hoạch các kho tồn trữ LPG (dạng trung chuyển) có công suất dưới 2.500 tấn, trong đó có thể kết hợp cảng chuyên dụng, trạm nạp LPG vào chai theo hướng nằm trong Quy hoạch chi tiết Nhóm cảng biển Đông Nam Bộ (Nhóm 5) đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và phân phối khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

c) Đối với các trạm nạp LPG vào chai: Đáp ứng nhu cầu LPG của từng khu vực trong thành phố, phù hợp mục tiêu phát triển hệ thống phân phối LPG, theo hướng giữ nguyên các trạm hiện có (giai đoạn đến năm 2020 đầu tư mới 02-03 trạm nạp thuộc Thương nhân đầu mối trên địa bàn thành phố để đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP. Tổ chức di dời các trạm nạp LPG vào chai hiện hữu trong khu dân cư, ưu tiên bố trí vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, giai đoạn đến năm 2025 đầu tư mới 01-02 trạm nạp kết hợp với kho cảng).

d) Đối với các trạm cấp LPG qua đường ống: Đáp ứng nhu cầu tiêu thụ LPG của các hộ tiêu thụ công nghiệp, các khu chung cư, khu dân cư, đô thị mới có công trình cao tầng sử dụng thang máy, phù hợp mục tiêu phát triển của thành phố lớn nhất cả nước.

e) Đối với hệ thống các cửa hàng bán LPG chai: Đảm bảo tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ LPG qua hệ thống cửa hàng đạt bình quân 2,23%/năm trong giai đoạn 2015 - 2025 (trong đó giai đoạn 2015 - 2020: khoảng 2,98%/năm và giai đoạn 2021 - 2025: khoảng 1,92%/năm).

### **III. Định hướng phát triển**

1. Xây dựng và nâng cấp hệ thống phân phối LPG trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng an toàn, văn minh, hiện đại, đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật của các cơ sở kinh doanh trong hệ thống các thương nhân phân phối LPG trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (hệ thống kho cảng, kho trung chuyển,...) để tiếp nhận và cung ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ LPG trên toàn địa bàn thành phố.

3. Xây dựng và nâng cấp mạng lưới bán lẻ LPG trực tiếp của các doanh nghiệp và hệ thống tổng đại lý, đại lý với hệ thống các kho tuyến sau LPG, cửa hàng bán LPG chai tới từng khu vực, xã, phường.

4. Phát triển/nâng cấp hệ thống kho cảng LPG kết hợp trạm nạp LPG vào chai (trong đó có việc xem xét xây dựng mới cảng biển chuyên dụng tại các địa điểm tiềm năng như Hiệp Phước - Nhà Bè hoặc Cát Lái - Quận 2).

### **IV. Quy hoạch phát triển cơ sở kinh doanh LPG Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

#### 1. Quy hoạch các cửa hàng bán LPG chai

##### a) Tiêu chí quy hoạch:

*- Đối với các cửa hàng hiện hữu:*

+ Các cửa hàng thuộc thương nhân đầu mối, tổng đại lý, đại lý: khuyến khích hình thành các chuỗi cửa hàng phân phối LPG, chỉ phân phối thương hiệu LPG của Thương nhân đầu mối, Tổng đại lý mà mình lựa chọn làm đại lý.

+ Các cửa hàng hiện hữu: sửa chữa, cải tạo đảm bảo đáp ứng điều kiện kinh doanh, các quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định. Đồng thời hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cửa hàng thuộc hộ kinh doanh chuyển đổi sang hình thức doanh nghiệp hoặc chi nhánh của Thương nhân đầu mối, Tổng đại lý để hình thành các chuỗi các cửa hàng bán LPG chai.

*- Các cửa hàng xây dựng mới:*

+ Đối tượng: Chỉ phát triển các cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai hoặc bố trí chung với các cửa hàng xăng dầu, không bố trí cửa hàng cùng với nhà ở. Ưu tiên

các Thương nhân đầu mối, Tổng đại lý, Đại lý mở các cửa hàng trực thuộc để đáp ứng điều kiện của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP.

+ Địa điểm: Địa điểm bố trí các cửa hàng quy hoạch mới là địa chỉ mở, việc cấp địa điểm xây dựng mới cửa hàng kinh doanh LPG theo tiêu chí và số lượng đã được quy hoạch. Ưu tiên bố trí địa điểm mới cho các cửa hàng hiện hữu phải di dời và bố trí cùng các cửa hàng xăng dầu, hoặc cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai thuộc các Thương nhân đầu mối, Tổng đại lý, Đại lý. Vị trí cửa hàng phải có khoảng cách an toàn đến các trường học, bệnh viện. Nếu bố trí trong các đường hẻm, lộ giới hẻm phải đảm bảo để các phương tiện chữa cháy có thể tiếp cận được.

b) Nội dung quy hoạch:

Hệ thống các cửa hàng bán LPG chai hiện hữu được giữ lại, nâng cấp cải tạo và xây dựng mới đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo nhu cầu tiêu thụ LPG và mật độ phục vụ bình quân theo từng giai đoạn quy hoạch. Dự kiến trong kỳ quy hoạch xây dựng mới 570 cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai đạt chuẩn (bao gồm các cửa hàng thay thế những cửa hàng phải di dời), nâng tổng số các cửa hàng trên địa bàn thành phố đến năm 2020 là 1.413 cửa hàng và đến năm 2025 là 1.627 cửa hàng, đảm bảo mật độ phục vụ bình quân đến năm 2020 là 6.495 nhân khẩu/cửa hàng và đến năm 2025 là 6.203 nhân khẩu/cửa hàng.

- *Giai đoạn đến năm 2020*

+ Tồn tại giữ nguyên 1.057 cửa hàng.

+ Nâng cấp, cải tạo, di dời 100 cửa hàng.

+ Xây dựng mới 256 cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai, chưa kể các cửa hàng thay thế các cửa hàng hiện hữu phải di dời.

- *Giai đoạn 2021 - 2025*: Xây dựng mới 214 cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai.

Danh mục số liệu quy hoạch mạng lưới cửa hàng bán LPG chai, địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 được trình bày chi tiết tại phụ lục 1.

2. Quy hoạch kho, trạm nạp LPG vào chai

Hệ thống các kho chứa và trạm nạp LPG vào chai hiện trạng được giữ lại, nâng



cấp cải tạo và xây dựng mới đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo yêu cầu dự trữ LPG theo từng giai đoạn quy hoạch. Dự kiến trong kỳ quy hoạch xây dựng mới 02 kho đạt chuẩn (trong đó 01 kho cảng chuyên dụng LPG của thành phố), nâng cấp cải tạo, đầu tư mới 18 kho chứa chai (bao gồm cả các kho thay thế những kho phải di dời).

a) Tiêu chí quy hoạch:

- Giai đoạn đến năm 2020: Giữ nguyên, không quy hoạch mới các kho cảng LPG; cải tạo nâng cấp hoặc đầu tư thay thế các kho tuyến sau (kho chứa chai) và di dời các trạm nạp LPG vào chai hiện hữu nằm trong khu dân cư. Chi đầu tư xây dựng mới trạm nạp LPG vào chai, kho chứa chai thuộc các Thương nhân đầu mối nhằm đáp ứng quy định dự trữ trong hệ thống phân phối.

- Giai đoạn 2021 - 2025: đầu tư mới 01 - 02 kho cảng tồn trữ kết hợp trạm nạp LPG vào chai trong số các Thương nhân đầu mối trên địa bàn (01 cơ sở dự kiến là kho cảng chuyên dụng LPG của thành phố). Đầu tư mới 12 kho chứa LPG chai thuộc các Thương nhân đầu mối và Tổng đại lý theo quy định dự trữ trong hệ thống phân phối trong Nghị định số 19/2016/NĐ-CP.

b) Nội dung quy hoạch:

- *Giai đoạn đến năm 2020*

+ Về kho cảng LPG: Không đầu tư phát triển mới trong giai đoạn này.

+ Về kho tuyến sau (kho chứa chai): Bổ sung đầu tư nâng cấp hoặc xây dựng mới 06 kho chứa LPG chai thuộc các Thương nhân đầu mối và Tổng đại lý theo quy định về dự trữ trong hệ thống phân phối tại Nghị định số 19/2016/NĐ-CP tại các quận vùng ven và các huyện ngoại thành nhằm mở rộng hệ thống phân phối hoặc thay thế các kho chứa LPG chai hiện hữu nằm trong khu dân cư.

+ Về trạm nạp LPG vào chai: Đầu tư mới 02 - 03 trạm nạp thuộc Thương nhân đầu mối trên địa bàn thành phố để đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP. Tổ chức di dời các trạm nạp LPG vào chai hiện hữu trong khu dân cư, ưu tiên bố trí vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- *Giai đoạn 2021 - 2025*

+ Đầu tư mới 01 - 02 kho cảng chứa kết hợp trạm nạp LPG vào chai với công suất dự kiến 2.000-3.000m<sup>3</sup>/kho, công suất trạm nạp dự kiến 1.000 - 1.500 tấn/tháng/trạm (01 kho cảng chuyên dụng LPG của thành phố, dự kiến bố trí tại Cảng

Hiệp Phước, huyện Nhà Bè).

+ Đầu tư mới 12 kho chứa LPG chai thuộc các Thương nhân đầu mối và Tổng đại lý theo quy định dự trữ trong hệ thống phân phối trong Nghị định số 19/2016/NĐ-CP tại các quận vùng ven và các huyện ngoại thành nhằm mở rộng hệ thống phân phối hoặc thay thế các kho chứa LPG chai hiện hữu nằm trong khu dân cư.

### 3. Quy hoạch trạm nạp LPG vào ô tô

Hệ thống trạm nạp LPG vào ô tô hiện hữu được giữ lại, nâng cấp cải tạo và xây dựng mới đạt chuẩn theo quy định. Dự kiến trong kỳ quy hoạch xây dựng mới 19 trạm, nâng tổng số các trạm nạp LPG vào ô tô trên địa bàn thành phố đến năm 2020 là 12 trạm và đến năm 2025 là 20 trạm.

#### a) Tiêu chí quy hoạch:

- Không quy hoạch trạm nạp LPG vào ô tô độc lập cho các phương tiện giao thông trong khu vực nội thành.

- Quy hoạch mới trạm nạp LPG vào ô tô tại các vị trí thành phố đã có chủ trương từ năm 2011 và tại các cửa hàng xăng dầu có quy mô lớn (cửa hàng cấp I, II).

#### b) Nội dung quy hoạch:

- *Giai đoạn đến năm 2020*: đầu tư xây dựng mới 10 trạm chủ yếu kết hợp tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên các trục đường lớn (07 trạm thành phố đã có chủ trương từ năm 2011).

- *Giai đoạn 2021 - 2025*: đầu tư xây dựng mới 09 trạm tại các cửa hàng xăng dầu có quy mô lớn (cửa hàng cấp I, II) tại các tuyến đường Vành đai 2 và 3 theo quy hoạch các tuyến xe buýt mới trong quy hoạch giao thông công cộng thành phố).

### 4. Quy hoạch trạm cấp LPG theo đường ống

#### a) Tiêu chí quy hoạch:

- Các dự án xây dựng nhà máy, xí nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp, khi có nhu cầu tiêu thụ LPG đều có thể thiết kế và đầu tư hệ thống trạm cấp LPG theo các quy định hiện hành.

- Các dự án xây dựng mới chung cư, các tòa nhà cao tầng, các khu dân cư mới, khu đô thị mới có quy hoạch công trình cao tầng với diện tích kinh doanh  $\geq 500m^2$  hoặc có quy mô ở  $\geq 500$  người/100 hộ trên địa bàn thành phố khi có nhu cầu tiêu thụ

LPG phải thiết kế trạm cấp và hệ thống cấp LPG.

b) Nội dung quy hoạch:

Do không thể xác định chi tiết số lượng các dự án xây dựng nhà máy, xí nghiệp cũng như các dự án xây dựng mới chung cư, các tòa nhà cao tầng, các khu dân cư mới, khu đô thị mới có nhu cầu tiêu thụ LPG (quá nhiều), nên nội dung quy hoạch các trạm cấp LPG được dự kiến theo hướng mở như sau:

- Hệ thống trạm cấp LPG theo đường ống cho các dự án xây dựng nhà máy, xí nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp, khi có nhu cầu sẽ do Ban Quản lý khu, cụm công nghiệp bố trí địa điểm sau khi thỏa thuận với Sở Công Thương.

- Hệ thống trạm cấp LPG trung tâm (Citygas) cho các nhà hàng, khách sạn, chung cư cao tầng, khu dân cư mới, khu đô thị mới sẽ được xác định theo quy hoạch chung xây dựng toàn thành phố và từng quận, huyện (vị trí cụ thể sẽ được xem xét khi xây dựng dự án đầu tư).

Danh mục số liệu tổng hợp quy hoạch các hệ thống cơ sở kinh doanh LPG, địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 được trình bày chi tiết tại phụ lục 2.

## **V. Các giải pháp thực hiện Quy hoạch**

### **1. Giải pháp chung**

a) Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, ổn định để khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển hệ thống phân phối LPG; đa dạng hóa hình thức đầu tư, chú trọng hợp tác liên doanh với các đối tác nước ngoài có kinh nghiệm, tiềm lực tài chính.

b) Hoàn thiện hệ thống pháp lý về đầu tư xây dựng cơ bản, về quản lý và điều tiết thị trường LPG; đẩy nhanh thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư.

c) Ưu tiên quỹ đất quy hoạch xây dựng kho, cảng, trạm nạp LPG vào chai; bố trí kho, trạm nạp LPG vào chai tại các quy hoạch khu công nghiệp để khai thác chung các công trình hạ tầng như đường giao thông, điện, nước, luồng lạch...

### **2. Giải pháp cụ thể**

a) Giải pháp về khuyến khích đầu tư: Xây dựng cơ chế hỗ trợ thu xếp vốn vay trong và ngoài nước, bảo lãnh vốn vay, cho vay ưu đãi... đối với các dự án đầu tư lớn

cơ sở vật chất trong hệ thống phân phối LPG như dự án kho cảng chuyên dụng LPG.

b) Giải pháp về thị trường: Hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm ngăn ngừa việc sang chiết LPG trái phép.

c) Các giải pháp về khoa học công nghệ:

- Đề xuất ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với LPG, các thiết bị phụ trợ liên quan đến vận hành và sử dụng LPG lưu hành trên thị trường.

- Tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến và hiện đại, có năng suất và hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn trong nước.

- Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hoạt động phân phối LPG, phòng cháy chữa cháy, an toàn.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc đào tạo nguồn nhân lực; ưu tiên phát triển đào tạo tại vùng quy hoạch, nhằm cung cấp nhân lực tại chỗ.

d) Giải pháp về an toàn, môi trường

- Xây dựng hệ thống quản lý tích hợp an toàn - chất lượng - môi trường được đánh giá chứng nhận bởi tổ chức quốc tế có uy tín.

- Thường xuyên tuyên truyền phổ biến kiến thức về an toàn tại các đơn vị hoạt động kinh doanh LPG.

- Tối ưu hóa chế độ điều độ, vận hành các kho chứa, trạm chiết nạp; giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, bảo dưỡng sửa chữa bảo đảm sử dụng hiệu quả; giảm tối đa lượng chất thải và các tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Ủy ban nhân dân thành phố**

Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý Nhà nước về đầu tư xây dựng, phát triển các cơ sở kinh doanh LPG trên địa bàn theo các quy định của pháp luật và thẩm quyền được phân cấp, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển của thành phố và quy hoạch phát triển của các ngành, đảm bảo yêu cầu hiệu quả đầu tư xây dựng và hiệu quả kinh doanh; kết hợp chặt chẽ với yêu cầu đảm bảo an ninh quốc phòng, dự trữ Quốc gia và nhu cầu nhiên liệu cho phát triển kinh tế - xã hội.

2. Sở Công Thương làm đầu mối xây dựng và thực hiện Quy hoạch phát triển cơ sở kinh doanh LPG trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Công bố, phổ biến Quy hoạch để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết, làm căn cứ đầu tư xây dựng cơ sở kinh doanh LPG từng giai đoạn phù hợp với quy hoạch; theo dõi, đôn đốc, giám sát việc triển khai quy hoạch và thực hiện chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về LPG theo quy định.

- Trong quá trình triển khai, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung Quy hoạch để phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương qua từng năm hoặc từng thời kỳ, lập hồ sơ theo quy định, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

- Đẩy mạnh công tác quản lý việc đăng ký hệ thống phân phối như: các thương nhân hoạt động kinh doanh LPG phải thực hiện việc đăng ký hệ thống phân phối, xem đó là điều kiện để thực hiện hoạt động kinh doanh LPG trên địa bàn thành phố. Kiểm soát việc ký hợp đồng mua bán LPG chai đảm bảo nguồn gốc LPG chai trên thị trường rõ ràng, chất lượng theo tiêu chuẩn công bố.

- Xây dựng thông tin về nhãn hiệu, thương hiệu LPG chai trên thị trường cùng các dấu hiệu nhận biết để thuận lợi trong quản lý, kiểm tra LPG chai. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra phối hợp giữa các sở ban ngành, Chi cục Quản lý Thị trường, Ủy ban nhân dân các quận - huyện đối với các cửa hàng bán LPG chai.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát các cơ sở kinh doanh LPG về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định. Thực hiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho các cơ sở kinh doanh LPG theo quy định.

- Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các cơ sở kinh doanh LPG không đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định nhằm xây dựng một môi trường kinh doanh LPG lành mạnh và đảm bảo an toàn.

### 3. Các sở ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện

a) Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy có kế hoạch rà soát, kiểm tra các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với các cơ sở kinh doanh LPG góp phần phòng ngừa sự cố cháy, nổ trên địa bàn thành phố. Cải thiện thủ tục tạo điều kiện thuận lợi trong công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu cho các cơ sở kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Sở Công Thương tiến hành xây dựng cơ chế tạo điều kiện, hỗ trợ và khuyến khích hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi và đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về việc hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

c) Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm kiểm tra, quản lý chất lượng, đo lường LPG trong kinh doanh chất lượng.

d) Sở Xây dựng: chịu trách nhiệm về các dự án xây dựng công trình cao tầng mới là nhà hàng, khách sạn với diện tích kinh doanh  $\geq 500m^2$  hoặc các chung cư, nhà cao tầng có chức năng ở với quy mô sử dụng  $\geq 500$  người/100 hộ khi có nhu cầu tiêu thụ LPG phải thiết kế trạm cấp và hệ thống cấp LPG trung tâm qua đường ống, đảm bảo yêu cầu không vận chuyển chất dễ cháy nổ (LPG chai) trong thang máy.

#### e) Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn về các dự án quy hoạch khu dân cư, khu đô thị mới có công trình cao tầng với chức năng hỗn hợp thương mại dịch vụ và căn hộ có quy mô sử dụng  $\geq 500$  người/100 hộ, khi có nhu cầu tiêu thụ LPG phải thiết kế trạm cấp và hệ thống cấp LPG (trạm cấp LPG trung tâm) tương tự các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác như cấp nước, cấp điện,... theo quy định tại QCVN 07-6: 2016-BXD.

- Có ý kiến về địa điểm xây dựng mới các kho chứa, trạm nạp (nạp LPG vào chai và nạp LPG vào phương tiện vận tải).

g) Ủy ban nhân dân các quận - huyện tăng cường công tác tuyên truyền và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc kiểm soát chặt chẽ và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm như nạp LPG vào chai mini, vận chuyển, kinh doanh, sử dụng LPG chai mini không được phép nạp lại tập trung tại các khu nhà trọ công nhân, cửa hàng tạp hóa, cơ sở dịch vụ ăn uống.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Vĩnh Tuyên**

**Phụ lục 1: Danh mục tổng hợp quy hoạch mạng lưới cửa hàng bán LPG chai,  
địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 5355/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

| Số TT | Địa bàn               | Hiện trạng và dự kiến giữ lại |                          |                           | Dự kiến quy hoạch mới |            |            |                                      |              | Tổng số cửa hàng trong QH |              | Ghi chú   |
|-------|-----------------------|-------------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------|------------|------------|--------------------------------------|--------------|---------------------------|--------------|---|
|       |                       | Hiện có đến năm 2014          | Dự kiến giữ lại          |                           | Số lượng cửa hàng     |            |            | Mật độ phục vụ (nhân khẩu/ cửa hàng) |              | Đến 2020                  | Đến 2025     |   |
|       |                       |                               | Được tồn tại, giữ nguyên | Nâng cấp, cải tạo, di dời | Đến 2020              | Đến 2025   | Tổng số    | Đến 2020                             | Đến 2025     |                           |              |   |
|       |                       |                               |                          |                           |                       |            |            |                                      |              | Đến 2020                  | Đến 2025     |   |
|       | <b>Toàn thành phố</b> | <b>1.157</b>                  | <b>1.057</b>             | <b>100</b>                | <b>256</b>            | <b>214</b> | <b>470</b> | <b>6.495</b>                         | <b>6.203</b> | <b>1.413</b>              | <b>1.627</b> |   |
|       | <b>Nội thành</b>      | <b>894</b>                    | <b>806</b>               | <b>88</b>                 | <b>195</b>            | <b>154</b> | <b>354</b> | <b>6.610</b>                         | <b>6.271</b> | <b>1.089</b>              | <b>1.248</b> | (*) Mặc dù hai quận này đề nghị không phát triển mới các cửa hàng trên địa bàn và trong tương lai dự kiến khoảng 40% dân số của quận 1 và 20% dân số của quận 11 sống trong các chung cư cao tầng (theo quy hoạch chung Thành phố đến 2025) được cung cấp LPG bởi hệ thống đường ống, và các cửa hàng tại |
|       | <b>Nội thành cũ</b>   | <b>553</b>                    | <b>495</b>               | <b>58</b>                 | <b>89</b>             | <b>71</b>  | <b>160</b> | <b>6.599</b>                         | <b>6.341</b> | <b>642</b>                | <b>713</b>   |   |
| 1     | Quận 1 (*)            | 16                            | 15                       | 1                         | 11                    | 3          | 14         | 6.545                                | 6.070        | 27                        | 30           |   |
| 2     | Quận 3                | 35                            | 33                       | 2                         | 2                     | 3          | 5          | 5.237                                | 4.967        | 37                        | 40           |   |
| 3     | Quận 4                | 28                            | 27                       | 1                         | 2                     | 3          | 5          | 6.121                                | 5.790        | 30                        | 33           |   |
| 4     | Quận 5                | 15                            | 12                       | 3                         | 15                    | 20         | 35         | 6.998                                | 6.009        | 30                        | 50           |   |
| 5     | Quận 6                | 33                            | 27                       | 6                         | 7                     | 5          | 12         | 6.943                                | 6.487        | 40                        | 45           |   |
| 6     | Quận 8                | 58                            | 55                       | 3                         | 17                    | 5          | 22         | 6.635                                | 6.668        | 75                        | 80           |   |
| 7     | Quận 10               | 32                            | 29                       | 3                         | 3                     | 5          | 8          | 7.017                                | 6.263        | 35                        | 40           |   |
| 8     | Quận 11 (*)           | 31                            | 29                       | 2                         | 4                     | 2          | 6          | 7.012                                | 6.784        | 35                        | 37           |   |
| 9     | Gò Vấp                | 73                            | 64                       | 9                         | 5                     | 5          | 10         | 7.114                                | 6.569        | 78                        | 83           |   |
| 10    | Tân Bình              | 67                            | 62                       | 5                         | 3                     | 5          | 8          | 6.583                                | 6.271        | 70                        | 75           |   |
| 11    | Tân Phú               | 58                            | 49                       | 9                         | 12                    | 5          | 17         | 6.580                                | 6.391        | 70                        | 75           |   |
| 12    | Bình Thạnh            | 75                            | 66                       | 9                         | 5                     | 5          | 10         | 6.303                                | 6.204        | 80                        | 85           |   |
| 13    | Phú Nhuận             | 32                            | 27                       | 5                         | 3                     | 5          | 8          | 5.383                                | 4.829        | 35                        | 40           |   |



**Phụ lục 1 (Tiếp):**

| Số TT | Địa bàn              | Hiện trạng và dự kiến giữ lại |                          |                           | Dự kiến quy hoạch mới |           |            |                                      |              | Tổng số cửa hàng trong QH |            | Ghi chú   |
|-------|----------------------|-------------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------|------------|--------------------------------------|--------------|---------------------------|------------|---|
|       |                      | Hiện có đến năm 2014          | Dự kiến giữ lại          |                           | Số lượng cửa hàng     |           |            | Mật độ phục vụ (nhân khẩu/ cửa hàng) |              | Đến 2020                  | Đến 2025   |   |
|       |                      |                               | Được tồn tại, giữ nguyên | Nâng cấp, cải tạo, di dời | Đến 2020              | Đến 2025  | Tổng số    | Đến 2020                             | Đến 2025     |                           |            |   |
|       |                      |                               |                          |                           |                       |           |            |                                      |              | Đến 2020                  | Đến 2025   |   |
|       | <i>Nội thành mới</i> | 341                           | 311                      | 30                        | 106                   | 88        | 194        | 6.626                                | 6.179        | 447                       | 535        | các quận lân cận, nhưng theo ý kiến của các sở ngành Thành phố thì vẫn nên bố trí quy hoạch các cửa hàng bán LPG chai cho các quận này theo đúng quy định của pháp luật (Nghị định 19/2016/NĐ-CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí). |
| 14    | Quận 2               | 36                            | 31                       | 5                         | 9                     | 15        | 24         | 4.421                                | 3.863        | 45                        | 60         |   |
| 15    | Quận 7               | 42                            | 37                       | 5                         | 8                     | 15        | 23         | 7.019                                | 6.259        | 50                        | 65         |   |
| 16    | Quận 9               | 54                            | 48                       | 6                         | 6                     | 10        | 16         | 6.489                                | 6.293        | 60                        | 70         |   |
| 17    | Quận 12              | 66                            | 60                       | 6                         | 16                    | 18        | 34         | 7.086                                | 6.415        | 82                        | 100        |   |
| 18    | Thủ Đức              | 72                            | 70                       | 2                         | 18                    | 10        | 28         | 6.629                                | 6.522        | 90                        | 100        |   |
| 19    | Bình Tân             | 71                            | 65                       | 6                         | 49                    | 20        | 69         | 7.041                                | 6.664        | 120                       | 140        |   |
|       | <b>Ngoại thành</b>   | <b>263</b>                    | <b>251</b>               | <b>12</b>                 | <b>61</b>             | <b>55</b> | <b>116</b> | <b>6.103</b>                         | <b>6.227</b> | <b>324</b>                | <b>379</b> |   |
| 20    | Củ Chi               | 80                            | 75                       | 5                         | 5                     | 10        | 15         | 6.066                                | 6.509        | 85                        | 95         |   |
| 21    | Hóc Môn              | 75                            | 72                       | 3                         | 10                    | 15        | 25         | 6.565                                | 6.627        | 85                        | 100        |   |
| 22    | Bình Chánh           | 66                            | 65                       | 1                         | 33                    | 20        | 53         | 6.805                                | 6.747        | 99                        | 119        |   |
| 23    | Nhà Bè               | 20                            | 18                       | 2                         | 5                     | 5         | 10         | 5.962                                | 5.986        | 25                        | 30         |   |
| 24    | Cần Giờ              | 22                            | 21                       | 1                         | 8                     | 5         | 13         | 2.796                                | 2.888        | 30                        | 35         |   |

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**Phụ lục 2: Danh mục tổng hợp quy hoạch các hệ thống cơ sở kinh doanh  
khí dầu mỏ hóa lỏng, địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 5355/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

| Số<br>TT | Địa bàn              | Kho tồn trữ             |             | Trạm nạp<br>vào chai |             | Trạm nạp<br>vào ô tô    |                         | Trạm<br>cấp | Cửa hàng bán<br>LPG chai |              | Tổng hợp  |
|----------|----------------------|-------------------------|-------------|----------------------|-------------|-------------------------|-------------------------|-------------|--------------------------|--------------|---|
|          |                      | Đến<br>2020             | Đến<br>2025 | Đến<br>2020          | Đến<br>2025 | Đến<br>2020             | Đến<br>2025             |             | Đến<br>2020              | Đến<br>2025  |   |
|          | <b>Toàn thành</b>    | <b>03<sup>(1)</sup></b> | <b>05</b>   | <b>18</b>            | <b>20</b>   | <b>11</b>               | <b>20<sup>(3)</sup></b> |             | <b>1.419</b>             | <b>1.654</b> | ❖ <b>Kho tồn trữ + trạm chiết nạp:</b> Đầu tư mới 02-03 trạm nạp thuộc Thương nhân đầu mối trên địa bàn Thành phố để đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Nghị định số 19/2016/NĐ-CP. Tổ chức di dời các trạm nạp LPG vào chai hiện hữu trong khu dân cư, ưu tiên bố trí vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Xây mới hoặc mở rộng công suất 02 kho cảng kèm trạm nạp tại các TNDM. Một trong các kho cảng + trạm nạp xây dựng mới sẽ là cảng chuyên dụng LPG của Thành phố và được bố trí tại Cảng Hiệp Phước Nhà Bè.<br>❖ <b>Kho tuyến sau (kho LPG chai):</b> Bổ sung, đầu tư nâng cấp hoặc xây dựng mới 18 kho chứa LPG chai thuộc các Thương nhân đầu mối và Tổng đại lý tại các quận vùng ven và các huyện ngoại thành, nhằm mở rộng hệ thống hoặc thay thế các kho chứa LPG chai hiện hữu nằm xen kẽ trong khu dân cư.<br>❖ <b>Trạm cấp LPG:</b> chỉ dự kiến QH cho các khu cụm công nghiệp bằng hệ thống trạm cấp LPG qua đường ống, còn hệ thống trạm cấp LPG trung tâm (Citygas) cho |
|          | <b>Nội thành</b>     | <b>02</b>               | <b>03</b>   | <b>11</b>            | <b>11</b>   | <b>07<sup>(2)</sup></b> |                         |             | <b>1.095</b>             | <b>1.275</b> |   |
|          | <b>Nội thành cũ</b>  | <b>0</b>                | <b>0</b>    | <b>1</b>             | <b>1</b>    | <b>04</b>               |                         |             | <b>648</b>               | <b>740</b>   |   |
| 1        | Quận 1               | -                       | -           | -                    | -           | -                       |                         |             | 27                       | 30           |   |
| 2        | Quận 3               | -                       | -           | -                    | -           | -                       |                         |             | 37                       | 40           |   |
| 3        | Quận 4               | -                       | -           | -                    | -           | -                       |                         |             | 30                       | 33           |   |
| 4        | Quận 5               | -                       | -           | -                    | -           | -                       |                         |             | 30                       | 50           |   |
| 5        | Quận 6               | -                       | -           | -                    | -           | -                       |                         |             | 40                       | 45           |   |
| 6        | Quận 8               | -                       | -           | -                    | -           | -                       |                         |             | 75                       | 80           |   |
| 7        | Quận 10              | -                       | -           | -                    | -           | -                       |                         |             | 35                       | 40           |   |
| 8        | Quận 11              | -                       | -           | -                    | -           | -                       |                         |             | 32                       | 37           |   |
| 9        | Gò Vấp               | -                       | -           | 1**                  | 1**         | 1*                      |                         |             | 90                       | 105          |   |
| 10       | Tân Bình             | -                       | -           | -                    | -           | 1*                      |                         |             | 69                       | 75           |   |
| 11       | Tân Phú              | -                       | -           | -                    | -           | -                       |                         |             | 70                       | 75           |   |
| 12       | Bình Thạnh           | -                       | -           | -                    | -           | 1+1*                    |                         |             | 80                       | 85           |   |
| 13       | Phú Nhuận            | -                       | -           | -                    | -           | -                       |                         |             | 35                       | 40           |   |
|          | <b>Nội thành mới</b> | <b>02</b>               | <b>03</b>   | <b>10</b>            | <b>10</b>   | <b>03</b>               |                         |             | <b>447</b>               | <b>535</b>   |   |
| 14       | Quận 2               | 1                       | 1+1*        | 1                    | 1           | -                       |                         |             | 45                       | 60           |   |
| 15       | Quận 7               | 1                       | 1           | 2                    | 2           | -                       |                         |             | 50                       | 65           |   |
| 16       | Quận 9               | -                       | -           | 4+1*                 | 4           | 1*                      |                         |             | 60                       | 70           |   |
| 17       | Quận 12              | -                       | -           | 1**                  | 1**         | -                       |                         |             | 82                       | 100          |   |

**Phụ lục 2 (tiếp):**

| Số TT | Địa bàn            | Kho tồn trữ |           | Trạm nạp vào chai |           | Trạm nạp vào ô tô |          | Trạm cấp | Cửa hàng bán LPG chai |            | Tổng hợp  |
|-------|--------------------|-------------|-----------|-------------------|-----------|-------------------|----------|----------|-----------------------|------------|---|
|       |                    | Đến 2020    | Đến 2025  | Đến 2020          | Đến 2025  | Đến 2020          | Đến 2025 |          | Đến 2020              | Đến 2025   |   |
| 18    | Thủ Đức            | -           | -         | 1                 | 1         | 1*                |          |          | 90                    | 100        | các nhà hàng, khách sạn, chung cư, khu dân cư mới, khu đô thị mới cao tầng sẽ được xác định theo quy hoạch chung xây dựng toàn Thành phố và từng quận, huyện (vị trí cụ thể sẽ được xem xét khi xây dựng dự án đầu tư)<br>❖ <b>Cửa hàng bán LPG chai:</b> Cho tồn tại, giữ nguyên 1.057 cửa hàng, nâng cấp cải tạo khoảng 100 cửa hàng (bao gồm 23 cửa hàng thay thế những CH phải di dời hoặc phải ngưng hoạt động), xây dựng mới 470 cửa hàng chuyên kinh doanh LPG chai. |
| 19    | Bình Tân           | -           | -         | 1                 | 1         | 1*                |          |          | 120                   | 140        |   |
|       | <b>Ngoại thành</b> | <b>01</b>   | <b>02</b> | <b>05</b>         | <b>07</b> | <b>04</b>         |          |          | <b>324</b>            | <b>379</b> |   |
| 20    | Củ Chi             | -           | -         |                   | 1*        | 1*                |          |          | 85                    | 95         |   |
| 21    | Hóc Môn            | -           | -         | 3                 | 3         | 1*                |          |          | 85                    | 100        |   |
| 22    | Bình Chánh         | -           | -         | 1+1*              | 1         | 1*                |          |          | 99                    | 115        |   |
| 23    | Nhà Bè             | 1           | 1+1*      | 1                 | 1+1*      | 1*                |          |          | 25                    | 30         |   |
| 24    | Cần Giờ            | -           | -         | -                 | -         | -                 |          |          | 30                    | 35         |   |

Ghi chú: (\*) Kho, trạm dự kiến xây dựng mới.

(\*\*) Kho trạm phải di dời, dự kiến xây mới để thay thế tại vị trí các quận mới hoặc ngoại thành

- (1) Chỉ kể các kho, trạm trên địa bàn TP.HCM (các kho, trạm khác trên địa bàn các tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An tuy đang phục vụ nhu cầu chứa và cung cấp LPG cho TP.HCM nhưng không nằm trong QH này);
- (2) Vị trí 07 trạm dự kiến QH mới đến năm 2020 đã có địa điểm theo chủ trương đầu tư của UBND thành phố năm 2012;
- (3) 09 trạm còn lại dự kiến QH mới đến năm 2025 được bố trí cùng với các CHXD loại I và II trên đường Vành đai 2 và 3 theo hướng quy hoạch các tuyến xe buýt mới trong quy hoạch giao thông công cộng Thành phố tại quyết định số: 568/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 04 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020” (vị trí cụ thể sẽ được xem xét khi xây dựng dự án đầu tư).

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng